

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 171/2023/HS-ST

Ngày 28-6-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Hồ Xuân Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 159/2023/TLST-HS ngày 26/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2023/QĐXXST-HS ngày 14/6/2023 đối với các bị cáo:

1./ Họ và tên: **Nguyễn Hữu L**; Tên gọi khác: Không - Sinh ngày 27 tháng 3 năm 1997, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1970 và con bà Võ Thị L3, sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/12/2022 đến ngày 01/01/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2023, có mặt tại phiên tòa.

2./ Họ và tên: **Nguyễn Hữu L2**; Tên gọi khác: Không - Sinh ngày 04 tháng 10 năm 2002, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1970 và con bà Võ Thị L3, sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/12/2022 đến ngày 01/01/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2023, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 2004 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
2. Bà Vương Thị Hạ H1, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 335/11 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
3. Ông Mai Thành C, sinh năm 2001 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 11, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
4. Ông H4 Mạnh H2, sinh năm 2002 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 10, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
5. Ông Văn Chí V, sinh năm 2002 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 6, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
6. Ông Lê Minh S, sinh năm 2003 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 9, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
7. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 2002 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 7, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
8. Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 10, xã H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
9. Bà Phạm Thái Phương N, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 09/18 N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
10. Bà Trần Thái Tú U, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 57/24 T2, phường K1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
11. Ông Phạm Ngọc H4, sinh năm 2005 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 10, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
12. Ông Đinh Ngọc L4, sinh năm 2004 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2022 do thu nhập không ổn định nên Nguyễn Hữu L (sinh năm 1997, trú tại 170/26/28 M, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) và Nguyễn Hữu L2 (sinh năm 2002, trú tại thôn 4, xã H, thành phố B là hai anh em ruột) thấy việc cho vay tiền với lãi suất cao nhanh thu lợi nên đã nảy sinh ý định cho người dân vay tiền. Sau đó cả hai trao đổi và thống nhất với nhau mỗi người góp 50.000.000 đồng (đ) để hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao và sẽ cho vay theo hai hình thức là cho vay tiền góp và cho vay tiền đứng, nếu có thêm nhiều người vay mà số tiền vượt quá số tiền góp thì L sẽ tiếp tục đưa thêm tiền cho L1 để hoạt động cho vay. Sau đó, L và L1 đã thông qua số điện thoại 0836.270.397 và

mạng xã hội Fakebook qua tài khoản của L là “Nguyễn Hữu L” và của L1 “Nguyen Huu Loc” để quảng cáo việc cho vay tiền. Nếu khách có nhu cầu vay tiền trực tiếp với L thì L sẽ nói với L1 liên lạc với người vay để xem xét khả năng trả nợ của người vay như công việc, nhà cửa, sau đó L1 gọi điện thoại cho L theo số điện thoại 0859694747 để hỏi ý kiến. Khi L đồng ý thì L1 sẽ làm thủ tục vay, tùy từng người vay sẽ giữ lại căn cước công dân, cho người vay viết giấy vay nợ. Hàng ngày, L không trực tiếp thu tiền mà để cho L1 sử dụng số điện thoại 0836.270.397 hoặc ứng dụng Messenger để gọi điện, nhắn tin nhắc người vay đóng tiền. Quá trình hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao, thì L đưa cho L1 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150I, màu trắng đen, biển kiểm soát 47B2-357.31 do L đứng tên chủ sở hữu để đi thu tiền của những người vay, nếu không trực tiếp đi thu tiền thì sẽ yêu cầu khách vay tiền chuyển tiền vào số tài khoản 11686217 tại Ngân hàng Á Châu (ACB) và số 0836270397 tại ngân hàng Quân Đội (MB) tất cả đều mang tên Nguyễn Hữu L2. Bên cạnh đó, L tạo ra bảng tính Google rồi gửi đường Link qua cho L1 để L1 sử dụng app Bảng Tính với tên tài khoản là nguyenhuulinh2703@gmail.com, không cần mật khẩu, để điền, thêm, lưu và quản lý những thông tin tên, số tiền vay, số ngày vay, đóng tiền lãi của người vay vào trang tính trên.

Về cách thức, số tiền, lãi suất cho vay thì L và L1 quy định như sau: Đối với tiền góp nếu khách vay số tiền 5.000.000đ, thì sẽ đóng trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, vay 10.000.000đ, thì sẽ đóng trong vòng 60 ngày, mỗi ngày phải đóng 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu tiền phí vay. Đối với tiền đứng thì cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, lãi suất thì tùy khoản vay ít hay nhiều hoặc quen biết với mức lãi suất từ 4.000đ/1 triệu/1 ngày đến 100.000đ/1 triệu/1 ngày. Tất cả các giao dịch trực tiếp với người vay, đi thu tiền hàng ngày, chỗ ở nhà cửa thì chỉ có L1 trực tiếp làm nên chỉ có L1 mới biết còn L chỉ quản lý và nắm qua trang tính Google và theo nội dung L1 báo lại.

Từ đầu tháng 8/2022 đến tháng 12/2022, Nguyễn Hữu L2 và Nguyễn Hữu L đã cho 12 người vay tiền với lãi suất cao tại thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Trọng Q (sinh năm 2004, trú tại thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), vay tiền 02 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 02/9/2022, vay số tiền 4.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 22/12/2022 ông Q đã đóng tiền lãi 11 lần, tương đương 110 ngày với số tiền là 4.400.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 241.096đ. Thu lợi bất chính là $4.400.000đ - 241.096đ = 4.158.904$ đồng.

- Lần 02: Ngày 24/10/2022, vay số tiền 3.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 14/12/2022 ông Q đã đóng tiền lãi 05 lần, tương đương 50 ngày với số tiền là 1.500.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 82.192đ. Thu lợi bất chính là $1.500.000đ - 82.192đ = 1.417.808đ$.

Như vậy, với hai lần vay trên thì L và L1 đã cho ông Q vay tổng cộng số tiền là 7.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 5.900.000đ, tổng số tiền lãi cao nhất

được Nhà nước quy định là 323.288đ và thu lợi bất chính tổng số tiền là: 5.576.712đ. Đến nay, ông Q còn nợ L và L1 số tiền gốc là 7.000.000đ.

2. Bà Vương Thị Hạ H1 (sinh năm 1990, trú tại 335/11 Y Jút, phường T, thành phố B), vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 20/10/2022, vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 20/12/2022 bà H1 đã đóng tiền lãi 06 lần, tương đương 60 ngày với số tiền là 3.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 164.384đ. Thu lợi bất chính là $3.000.000đ - 164.384đ = 2.835.616đ$.

- Lần 02: Ngày 12/11/2022 vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 22/12/2022 bà H1 đã đóng tiền lãi 04 lần, tương đương 40 ngày với số tiền là 2.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 109.589đ. Thu lợi bất chính là $2.000.000đ - 109.589đ = 1.890.411đ$.

Như vậy, qua hai lần vay trên thì L và L1 đã cho bà H1 vay tổng cộng 10.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 5.000.000đ tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là 273.973đ và thu lợi bất chính tổng số tiền là 4.726.027đ. Đến nay bà H1 còn nợ L và L1 số tiền gốc là 10.000.000đ.

3. Ông Mai Thành C (sinh năm 2001, trú tại thôn 11, xã H, thành phố B), vay 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 03/10/2022, vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 23/12/2022 ông C đã đóng tiền lãi 08 lần, tương đương 80 ngày với số tiền là 4.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 219.178đ. Thu lợi bất chính là $4.000.000đ - 219.178đ = 3.780.822đ$.

- Lần 02: Ngày 10/10/2022, vay số tiền 6.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 20/12/2022 ông C đã đóng tiền lãi 07 lần, tương đương 70 ngày với số tiền là 4.200.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 230.137đ. Thu lợi bất chính là $4.200.000đ - 230.137đ = 3.969.863đ$.

Như vậy, qua hai lần vay trên thì L và L1 đã cho ông C vay tổng cộng 11.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 8.200.000đ tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là 449.315đ và thu lợi bất chính tổng số tiền là 7.750.685đ. Đến nay, ông C còn nợ L và L1 số tiền gốc là 11.000.000đ.

4. Ông H4 Mạnh H2 (sinh năm 2002, trú tại thôn 10, xã H, thành phố B), vay 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 09/9/2022, vay số tiền 4.000.000đ, lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 182%/năm), khoản vay này đến ngày 19/12/2022 ông H2 đã đóng tiền lãi 10 lần, tương đương 100 ngày, số tiền là 2.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 219.178đ. Thu lợi bất chính là $2.000.000đ - 219.178đ = 1.780.822đ$.

- Lần 02: Ngày 08/10/2022, vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất là 7.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 255%/năm), khoản vay này đến ngày 18/12/2022 ông H2 đã đóng tiền lãi 07 lần, tương đương 70 ngày với số tiền là 2.450.000đ, lãi

suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 191.781đ. Thu lợi bất chính là $2.450.000đ - 191.781đ = 2.258.219đ$.

- Lần 03: Ngày 21/10/2022, vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất là 7.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 255%/năm), khoản vay này đến ngày 21/12/2022 ông H2 đã đóng tiền lãi 06 lần, tương đương 60 ngày với số tiền là 2.100.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 164.384đ. Thu lợi bất chính là $2.100.000đ - 164.384đ = 1.935.616đ$.

Như vậy, qua ba lần vay trên thì L và L1 đã cho ông H2 vay tổng cộng 14.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 6.550.000đ tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là 575.343đ và thu lợi bất chính tổng số tiền là 5.974.657đ. Đến nay, ông H2 còn nợ L và L1 số tiền gốc 14.000.000đ.

5. Ông Văn Chí V (sinh năm 2002, trú tại thôn 6, xã H, thành phố B), vay 01 lần, cụ thể: Ngày 23/10/2022, vay số tiền 4.000.000đ, lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 182%/năm), khoản vay này đến ngày 23/12/2022 ông V đã đóng tiền lãi 06 lần, tương đương 60 ngày với số tiền là 1.200.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 131.507đ. Thu lợi bất chính là $1.200.000đ - 131.507đ = 1.068.493đ$. Đến nay, ông V còn nợ L và L1 số tiền gốc là 4.000.000đ.

6. Ông Lê Minh S (sinh năm 2003, trú tại thôn 9, xã H, thành phố B), vay tiền 01 lần, cụ thể: Ngày 8/10/2022, vay số tiền 7.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 18/12/2022 ông S đã đóng tiền lãi 07 lần, tương đương 70 ngày với số tiền là 4.900.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 268.493đ. Thu lợi bất chính là $4.900.000đ - 268.493đ = 4.631.507đ$. Đến nay, ông S còn nợ L và L1 số tiền gốc là 7.000.000đ.

7. Bà Nguyễn Thị C1 (sinh năm 2002, trú tại thôn 7, xã H, thành phố B), vay với 02 hình thức tiền đứng và tiền góp, cụ thể như sau:

- Tiền đứng 02 lần:

+ Lần 01: Ngày 11/10/2022, vay số tiền 1.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 21/12/2022 bà C1 đã đóng tiền lãi 07 lần, tương đương 70 ngày với số tiền là 700.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 38.356đ. Thu lợi bất chính là $700.000đ - 38.356đ = 661.644đ$.

+ Lần 02: Ngày 17/11/2022, vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 17/12/2022 bà C1 đã đóng tiền lãi 03 lần, tương đương 30 ngày với số tiền là 1.500.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 82.192đ. Thu lợi bất chính là $1.500.000đ - 82.192đ = 1.417.808đ$.

- Tiền góp: Ngày 28/11/2022 vay 10.000.000đ, góp trong vòng 60 ngày mỗi ngày 200.000đ tiền gốc và lãi, (lãi suất tương ứng 122%/năm) không tính phí. Đến nay bà C1 đã đóng được 25 ngày với số tiền là 5.000.000đ, trong đó tiền gốc là 4.167.000đ, tiền lãi là 833.000đ. Còn nợ lại 35 ngày với tiền gốc là 5.833.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.986đ. Thu lợi bất chính là $833.000đ - 136.986đ = 696.014đ$.

Như vậy, qua hai lần vay tiền đứng và một lần vay tiền góp trên thì L và L1 đã cho bà C1 vay tổng cộng 16.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 3.033.000đ,

tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là 257.534đ, thu lợi bất chính số tiền là 2.775.466đ. Đến nay, bà C1 còn nợ L và L1 tổng số tiền gốc là 11.833.000đ.

8. Ông Nguyễn Công K (sinh năm 1994, trú tại thôn 10, xã H3, thành phố B), vay tiền 04 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 15/11/2022, vay số tiền 7.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 15/12/2022 ông K đã đóng tiền lãi 03 lần, tương đương 30 ngày với số tiền là 2.100.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đ. Thu lợi bất chính là $2.100.000đ - 115.068đ = 1.984.932đ$.

- Lần 2: Ngày 22/11/2022, vay số tiền 15.000.000đ, lãi suất là 100.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 3650%/năm), khoản vay này đến ngày 26/11/2022 ông K đã đóng tiền lãi 05 ngày với số tiền là 7.500.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 41.096đ. Thu lợi bất chính là $7.500.000đ - 41.096đ = 7.458.904đ$.

- Lần 3: Ngày 28/11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất là 100.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 3650%/năm), khoản vay này đến ngày 05/12/2022 ông K đã đóng tiền lãi 08 ngày với số tiền là 8.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 43.836đ. Thu lợi bất chính là $8.000.000đ - 43.836đ = 7.956.164đ$.

- Lần 4: Ngày 09/12/2022, vay số tiền 15.000.000đ, lãi suất là 100.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 3650%/năm), khoản vay này đến ngày 12/12/2022 ông K đã đóng tiền lãi 04 ngày với số tiền là 5.000.000đ. Đến ngày 21/12/2022 ông K đã trả cho các bị cáo 15.000.000đ tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 32.877đ. Thu lợi bất chính là $5.000.000đ - 32.877đ = 4.967.123đ$.

Như vậy, qua bốn lần vay trên thì L và L1 đã cho ông K vay tổng cộng 47.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 22.600.000đ tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là 232.877đ và thu lợi bất chính tổng số tiền là: 22.367.123đ. Đến nay, ông K còn nợ L và L1 số tiền gốc là 32.000.000đ.

9. Ông Phạm Thái Phương N (sinh năm 1984, trú tại 09/18 N1, phường T1, thành phố), vay tiền 01 lần, cụ thể: Ngày 25/10/2022, vay số tiền 7.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 15/12/2022 ông N đã đóng tiền lãi 05 lần, tương đương 50 ngày với số tiền là 3.500.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 191.781đ. Thu lợi bất chính là $3.500.000đ - 191.781đ = 3.308.219đ$. Đến nay, ông N còn nợ L và L1 số tiền gốc là 7.000.000đ.

10. Bà Trần Thái Tú U (sinh năm 1992, trú tại 57/24 T2, phường K1, thành phố), vay 02 hình thức tiền đứng và tiền góp, cụ thể như sau:

- Tiền đứng 02 lần:

- + Ngày 3/11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 23/12/2022 Bà U đã đóng tiền lãi 05 lần, tương đương 50 ngày với số tiền là 5.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 273.973đ. Thu lợi bất chính là $5.000.000đ - 273.973đ = 4.726.027đ$.

+ Ngày 23/11/2022, vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất là 100.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 3650%/năm), khoản vay này Bà U trả được 04 ngày tiền lãi là 2.000.000đ, còn lại vẫn nợ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 10.959đ. Thu lợi bất chính là $2.000.000đ - 10.959đ = 1.989.041đ$.

- Tiền góp: Ngày 23/11/2022 vay số tiền 5.000.000đ, góp trong vòng 30 ngày mỗi ngày 200.000đ, không tính phí. Đến nay Bà U đã đóng được 29 ngày là 5.800.000đ, trong đó 4.833.000đ tiền gốc và 967.000đ tiền lãi. Còn nợ lại 01 ngày là 167.000đ tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 79.452đ. Thu lợi bất chính là $967.000đ - 79.452đ = 887.548đ$.

Như vậy, qua hai lần vay tiền đứng và một lần vay tiền góp trên thì L và L1 đã cho Bà U vay tổng cộng 20.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 7.967.000đ, tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là 364.384đ và thu lợi bất chính số tiền là 7.602.616đ. Đến nay, Bà U còn nợ L và L1 tổng số tiền gốc là 15.167.000đ.

11. Ông Phạm Ngọc H4 (sinh năm 2005, trú tại thôn 10, xã H, thành phố B) vay 01 lần: Ngày 12/10/2022, vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 182%/năm), khoản vay này đến ngày 22/12/2022 ông H4 đã đóng tiền lãi 07 lần, tương đương 70 ngày với số tiền là 3.500.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 383.562đ. Thu lợi bất chính là $3.500.000đ - 383.562đ = 3.116.438đ$. Đến nay, ông H4 còn nợ L và L1 số tiền gốc là 10.000.000đ.

12. Ông Đinh Ngọc L4 (sinh năm 2004, trú tại Thôn 3, xã H, thành phố B) vay tiền 01 lần: Ngày 13/11/2022, vay số tiền 7.000.000đ, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm), khoản vay này đến ngày 23/12/2022 ông L4 đã đóng tiền lãi 04 lần, tương đương 40 ngày với số tiền là 2.800.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 153.425đ. Thu lợi bất chính là $2.800.000đ - 153.425đ = 2.646.575đ$. Đến nay, ông L4 còn nợ L và L1 số tiền gốc là 7.000.000đ.

Như vậy, với việc cho 12 người vay tiền trên thì Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hữu L2 cho vay tổng cộng số tiền là 160.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 75.150.000đ, tương ứng với lãi suất từ 146%/năm đến 3650%/năm (tức gấp 7,3 đến 182,5 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Nhà nước cho phép), tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là 3.605.479đ và thu lợi bất chính tổng số tiền là 71.544.521đ.

- Ngày 25/12/2022, Nguyễn Hữu L2 giao nộp:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đỏ, gắn 01 sim mạng Vinaphone;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sh 150I, màu trắng đen, biển kiểm soát 47B2-357.31;

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 081390 mang tên Nguyễn Hữu L;

+ 03 giấy vay tiền mang tên người vay Nguyễn Công K, Lê Minh S, Nguyễn Trọng Q;

+ 01 căn cước công dân mang tên Lê Minh S;

+ 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Công K.

- Ngày 25/12/2022, Nguyễn Hữu L giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, gắn 01 sim mạng Vinaphone.

Cáo trạng số 65/CT-VKS-P2 ngày 19/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu L và bị cáo Nguyễn Hữu L2 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và đúng theo nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu L và bị cáo Nguyễn Hữu L2 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) đến 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L2 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) đến 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015; Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại tiền cho những người vay, cụ thể:

Nguyễn Trọng Q số tiền là 5.576.712đ.

Vương Thị Hạ H1 số tiền 4.726.027đ.

Mai Thành C số tiền 7.750.685đ.

Hoàng Mạnh H2 số tiền 5.974.657đ.

Văn Chí V số tiền 1.068.493đ.

Lê Minh S số tiền 4.631.507đ.

Nguyễn Thị C1 số tiền 2.775.466đ.

Nguyễn Công K số tiền 22.367.123đ.

Phạm Thái Phương N số tiền 3.308.219đ.

Trần Thái Tú U số tiền 7.602.616đ.

Phạm Ngọc H4 số tiền 3.116.438đ.

Đinh Ngọc L4 số tiền 2.646.575đ.

Tổng cộng: 71.544.521 đồng.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc và tiền lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà các bị cáo đã thu được của người vay, cụ thể như sau:

Nguyễn Trọng Q số tiền 323.288đ.
Vương Thị Hạ H1 số tiền 273.973đ.
Mai Thành C số tiền 449.315đ.
Hoàng Mạnh H2 số tiền 575.343đ.
Văn Chí V số tiền 131.507đ.
Lê Minh S số tiền 268.493đ.
Nguyễn Thị C1 số tiền 4.424.534đ.
Nguyễn Công K số tiền 15.232.877đ.
Phạm Thái Phương N số tiền 191.781đ.
Trần Thái Tú U số tiền 5.197.384đ.
Phạm Ngọc H4 số tiền 383.562đ.
Đinh Ngọc L4 số tiền 153.425đ.
Tổng cộng: 27.605.479đ.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc mà những người vay chưa trả cho các bị cáo, gồm:

Nguyễn Trọng Q số tiền 7.000.000đ.
Vương Thị Hạ H1 số tiền 10.000.000đ.
Mai Thành C số tiền 11.000.000đ.
Hoàng Mạnh H2 số tiền 14.000.000đ.
Văn Chí V số tiền 4.000.000đ.
Lê Minh S số tiền 7.000.000đ.
Nguyễn Thị C1 số tiền 11.833.000đ.
Nguyễn Công K số tiền 32.000.000đ.
Phạm Thái Phương N số tiền 7.000.000đ.
Trần Thái Tú U số tiền 15.167.000đ.
Phạm Ngọc H4 số tiền 10.000.000đ.
Đinh Ngọc L4 số tiền 7.000.000đ.
Tổng cộng: 136.000.000đ.

- Xử lý vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sh 150I, màu trắng đen, biển kiểm soát 47B2-357.31 cùng giấy

chứng nhận đăng ký xe mô tô 081390 mang tên Nguyễn Hữu L là tài sản thuộc quyền sở hữu của các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án 03 giấy vay tiền mang tên người vay Nguyễn Công K, Lê Minh S, Nguyễn Trọng Q.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 14, ngày 20/4/2023 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm:

01 căn cước công dân mang tên Lê Minh S cho anh Lê Minh S, sinh năm 2003, trú tại: Thôn 9, xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Công K cho anh Nguyễn Công K, sinh năm 1994, trú tại: Thôn 10, xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Các vấn đề khác đề nghị HĐXX chấp nhận như nội dung tại bản Cáo trạng.

Các bị cáo không tranh luận nội dung gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Với ý thức coi thường pháp luật nên trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022, Nguyễn Hữu L cùng Nguyễn Hữu L2 đã cho 12 người vay tiền, mức lãi suất từ 122%/năm đến 3650%/năm, với tổng số tiền cho vay là **160.000.000đ**, tổng số tiền lãi đã thu là **75.150.000đ**, tổng số tiền lãi suất theo quy định của Nhà nước là **3.605.479đ**. Từ việc cho những người vay tiền trên L và L1 đã thu lợi bất chính số tiền là **71.544.521đ** thì bị phát hiện xử lý. Vì vậy, các bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều 201 Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi

phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm;

.....”

[3]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, hành vi cho vay lãi nặng của các bị cáo không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của cá nhân, mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng việc cho người khác vay tiền và áp đặt mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên là phạm tội. Nhưng vì động cơ vụ lợi nên từ tháng 8/2022 đến ngày 12/2022 tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo đã dùng số tiền gốc là 160.000.000 đồng để cho 12 cá nhân vay tiền với mức lãi suất cao từ 122%/năm đến 3650%/năm gấp 6,1 lần đến 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền là 71.544.521 đồng.

Trong vụ án này các bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hữu L2 đã cùng thực hiện tội phạm, các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Cả hai bị cáo sử dụng số tiền 50.000.000đ/người để cùng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Tuy nhiên, bị cáo L có hành vi đưa xe cho bị cáo L2 để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, tạo trang tính đưa cho Lộc sử dụng để quản lý việc cho vay lãi nặng nên hành vi của L nguy hiểm hơn L2.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử cần áp dụng khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Mặt khác, bị cáo phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế nên việc áp dụng hình chính là phạt tiền quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015; Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Đối với số tiền thu lợi bất chính: Cần buộc các bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hữu L2 trả lại tổng số tiền 71.544.521 đồng là tiền thu lợi bất chính cho những người vay tiền (Mỗi bị cáo phải trả lại 35.772.260đ), cụ thể:

Nguyễn Trọng Q số tiền là 5.576.712đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 2.788.356đ).

Vương Thị Hạ H1 số tiền 4.726.027đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 2.363.013đ).
Mai Thành C số tiền 7.750.685đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 3.875.342đ).
Hoàng Mạnh H2 số tiền 5.974.657đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 2.987.328đ).
Văn Chí V số tiền 1.068.493đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 534.246đ).
Lê Minh S số tiền 4.631.507đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 2.315.753đ).
Nguyễn Thị C1 số tiền 2.775.466đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 1.387.733đ).
Nguyễn Công K số tiền 22.367.123đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 11.183.561đ).
Phạm Thái Phương N số tiền 3.308.219đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 1.654.109đ).
Trần Thái Tú U số tiền 7.602.616đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 3.801.308đ).
Phạm Ngọc H4 số tiền 3.116.438đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 1.558.219đ).
Đinh Ngọc L4 số tiền 2.646.575đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 1.323.287đ).

- Truy thu của các bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hữu L2 tổng số tiền số tiền gốc và tiền lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà các bị cáo đã thu được của người vay là 27.605.479đ (Trong đó: 24.000.000đ là tiền gốc người vay đã trả; 3.605.479đ là tiền lãi theo quy định, lãi suất 20%) nộp sung ngân sách Nhà nước. Mỗi bị cáo phải nộp 13.802.740đ.

- Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền 136.000.000đ nợ gốc đã vay chưa trả cho các bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hữu L2, để nộp sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Nguyễn Trọng Q số tiền 7.000.000đ.

Vương Thị Hạ H1 số tiền 10.000.000đ.

Mai Thành C số tiền 11.000.000đ.

Hoàng Mạnh H2 số tiền 14.000.000đ.

Văn Chí V số tiền 4.000.000đ.

Lê Minh S số tiền 7.000.000đ.

Nguyễn Thị C1 số tiền 11.833.000đ.

Nguyễn Công K số tiền 32.000.000đ.

Phạm Thái Phương N số tiền 7.000.000đ.

Trần Thái Tú U số tiền 15.167.000đ.

Phạm Ngọc H4 số tiền 10.000.000đ.

Đinh Ngọc L4 số tiền 7.000.000đ.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sh 150I, màu trắng đen, biển kiểm soát 47B2-357.31, số khung RLHKF2501GY034827, số máy KF25E0035013, dung tích 153; 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 081390 mang tên Nguyễn Hữu L; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số IMEI 353813082533885 gắn sim vinaphone số 0859694747, số seri 89840200011101029401; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đỏ, số IMEI1 356339108722564, IMEI2 356339109978520 gắn sim mạng vinaphone số 0836270397, số Seri 89840200010610253395, là tài sản thuộc quyền sở hữu của các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án 03 giấy vay tiền mang tên người vay Nguyễn Công K, Lê Minh S, Nguyễn Trọng Q.

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 14, ngày 20/4/2023 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm:

01 căn cước công dân mang tên Lê Minh S cho anh Lê Minh S, sinh năm 2003, trú tại: Thôn 9, xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Công K cho anh Nguyễn Công K, sinh năm 1994, trú tại: Thôn 10, xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

[6] Các vấn đề khác:

Trong vụ án này quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận còn cho 09 người khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Nông vay tiền. Cụ thể gồm những người sau:

Anh Tú A: Không rõ địa chỉ, liên lạc qua mạng xã hội facebook;

Anh Q: Không rõ địa chỉ, liên lạc qua mạng xã hội facebook;

Ông M: Nhà ở huyện C2 tỉnh Đắk Nông;

Đình Đ: Nhà ở xã H5, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nguyễn L5: Không rõ địa chỉ, số điện thoại 0889075993;

T4: Không rõ địa chỉ, liên lạc qua mạng xã hội facebook;

T5: Nhà ở huyện C2, tỉnh Đắk Nông, số điện thoại 0949494387;

T6: Nhà ở thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

N2: Nhà ở thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tuy nhiên, các bị cáo không nhớ họ tên đầy đủ, địa chỉ cụ thể và không nhớ đường đi đến nhà của những người vay tiền nêu trên. CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành xác minh, liên lạc qua số điện thoại, thông báo trên đài phát thanh

và truyền hình tỉnh Đắk Lắk nội dung tìm người vay tiền của các bị cáo...nhưng vẫn không làm việc được với những người vay tiền trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không xác định được những người này đã vay của các bị cáo bao nhiêu tiền, lãi suất cho vay là bao nhiêu, các bị cáo đã thu lợi bất chính được bao nhiêu tiền nên không có cơ sở để xử lý các bị cáo về những người vay trên. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách hành vi của các bị cáo cho 09 người trên vay tiền để tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hữu L2 phạm tội “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L2 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015; Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hữu L2 trả lại 71.544.521 đồng là tiền thu lợi bất chính cho những người vay tiền (Mỗi bị cáo phải trả lại 35.772.260đ), cụ thể:

Nguyễn Trọng Q số tiền là 5.576.712đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 2.788.356đ).

Vương Thị Hạ H1 số tiền 4.726.027đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 2.363.013đ).

Mai Thành C số tiền 7.750.685đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 3.875.342đ).

Hoàng Mạnh H2 số tiền 5.974.657đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 2.987.328đ).

Văn Chí V số tiền 1.068.493đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 534.246đ).

Lê Minh S số tiền 4.631.507đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 2.315.753đ).

Nguyễn Thị C1 số tiền 2.775.466đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 1.387.733đ).

Nguyễn Công K số tiền 22.367.123đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 11.183.561đ).

Phạm Thái Phương N số tiền 3.308.219đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 1.654.109đ).

Trần Thái Tú U số tiền 7.602.616đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 3.801.308đ).

Phạm Ngọc H4 số tiền 3.116.438đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 1.558.219đ).

Đinh Ngọc L4 số tiền 2.646.575đ (Mỗi bị cáo phải trả lại 1.323.287đ).

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Hữu L và bị cáo Nguyễn Hữu L2 tổng số là 27.605.479đ. Trong đó: Số tiền gốc đã thu được của người vay là 24.000.000đ và tiền lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định đã thu được của người vay là 3.605.479đ nộp sung ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu L và bị cáo Nguyễn Hữu L2, mỗi bị cáo phải nộp 13.802.740đ.

- Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền 136.000.000đ nợ gốc đã vay chưa trả cho các bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hữu L2, để nộp sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Nguyễn Trọng Q số tiền 7.000.000đ.

Vương Thị Hạ H1 số tiền 10.000.000đ.

Mai Thành C số tiền 11.000.000đ.

Hoàng Mạnh H2 số tiền 14.000.000đ.

Văn Chí V số tiền 4.000.000đ.

Lê Minh S số tiền 7.000.000đ.

Nguyễn Thị C1 số tiền 11.833.000đ.

Nguyễn Công K số tiền 32.000.000đ.

Phạm Thái Phương N số tiền 7.000.000đ.

Trần Thái Tú U số tiền 15.167.000đ.

Phạm Ngọc H4 số tiền 10.000.000đ.

Đinh Ngọc L4 số tiền 7.000.000đ.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án 03 giấy vay tiền mang tên người vay Nguyễn Công K, Lê Minh S, Nguyễn Trọng Q.

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 14, ngày 20/4/2023 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm: 01 căn cước công dân mang tên Lê Minh S cho anh Lê Minh S, sinh năm 2003, trú tại: Thôn 9, xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Công K cho anh Nguyễn Công K, sinh năm 1994, trú tại: Thôn 10, xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sh 150I, màu trắng đen, biển kiểm soát 47B2-357.31, số khung RLHKF2501GY034827, số máy KF25E0035013, dung tích 153; 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 081390 mang tên Nguyễn Hữu L; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số IMEI 353813082533885 gắn sim vinaphone số 0859694747, số seri 89840200011101029401; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đỏ, số IMEI1 356339108722564, IMEI2 356339109978520 gắn sim mạng vinaphone số 0836270397, số Seri 89840200010610253395, là tài sản thuộc quyền sở hữu của các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2023 giữa Công an tỉnh Đắk Lắk với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hữu L2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Bị cáo; bị hại; Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan

